



THÔNG SỐ MÁY LỌC (MACHINE INFORMATION)

CÔNG SUẤT:
(Capacity)

Thiết kế: 500 lít / giờ
(Designed: 500 lph)

Tối đa: 750 lít / giờ
(Max.: 750 lph)

KÍCH THƯỚC PHỦ BÌ:
(Dimension)

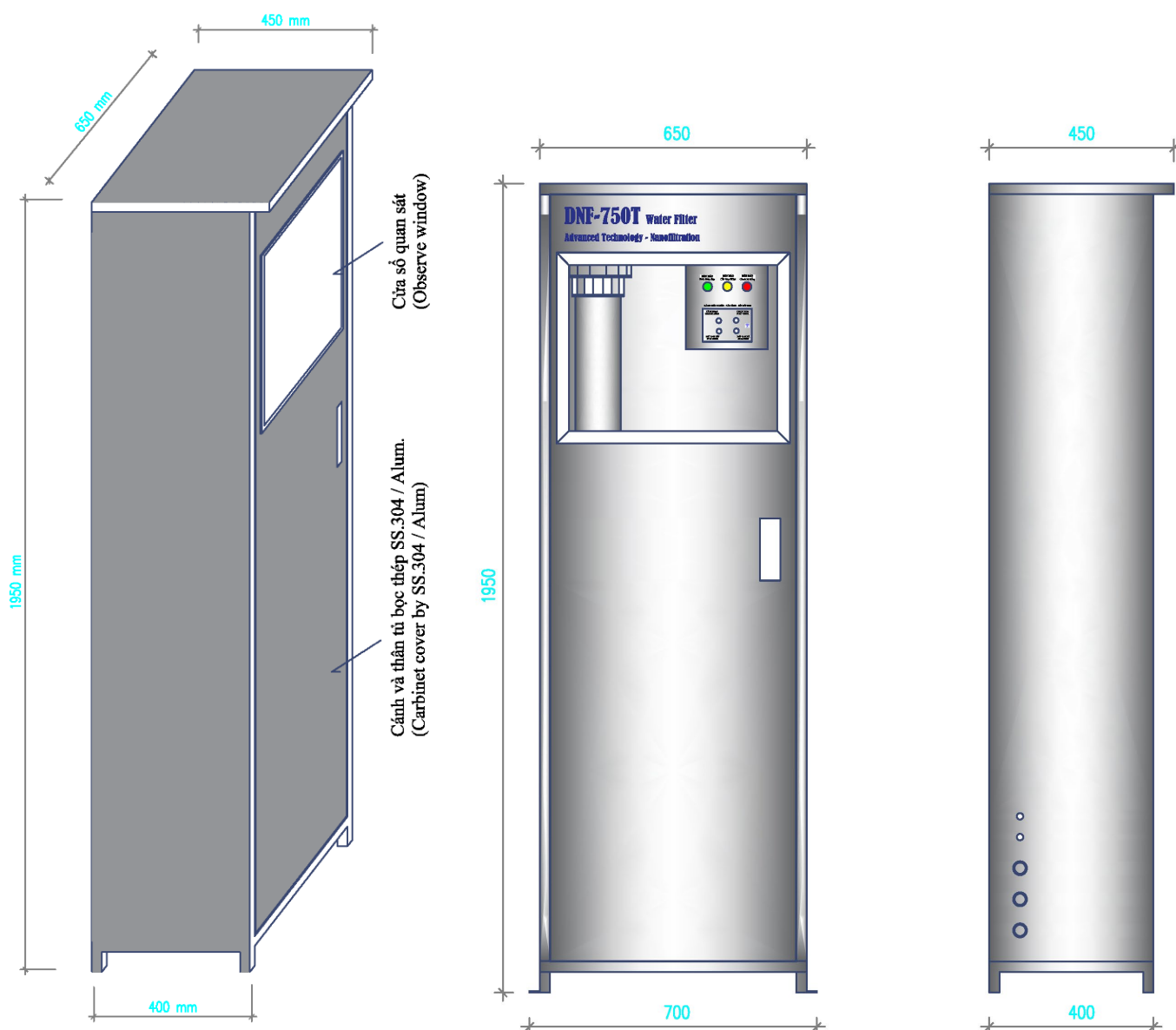
Dài x Rộng x Cao
(Length x Wide x Height)

700 X 450 X 1950 (mm)

TRỌNG LƯỢNG:
(Weight)

Không tải : 75.0 kg
(Dry)

Khi hoạt động: 105.0kg
(In operation)



THÔNG SỐ ĐIỆN:
(Power)

1 Pha - 220VAC – 50Hz
(1 phase – 220VAC – 50 Hz)

1.45 kW max.
(1.45 kW max.)

VẬT LIỆU KHUNG VỎ:
(Material)

Thép không gỉ (SUS.304)

LẮP ĐẶT VÀ SỬ DỤNG (USER GUIDELINES)

LẮP ĐẶT VÀ KẾT NỐI HỆ THỐNG: MÁY LỌC DNF-750T ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI 5 CỔNG KẾT NỐI (3 CỔNG NƯỚC NỐI REN TRONG PHI-27 VÀ 02 CỔNG CÁP ĐIỆN). VIỆC LẮP ĐẶT VÀ KẾT NỐI MÁY LỌC VỚI HỆ THỐNG ĐIỆN NƯỚC ĐÃ CÓ ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐƠN GIẢN VÀ HOÀN TOÀN BÊN NGOÀI MÁY LỌC (Installation & System connection: DNF-750T machine are desinged with 05 connection points (03 water manifolds + 02 cables), easy to connect with existed water & electric system, without machine opening)

GHI CHÚ: CỔNG KẾT NỐI MÁY LỌC DNF-750T CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH THEO ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ (Connection points can be adjusted based on the actual site conditions)

Cáp điều khiển (Signal cable)

Cáp nguồn (Power cable)

Hạng nước sạch (Fresh water manifold)

Hạng nước cấp (Raw water manifold)

Hạng nước thải (Drain water manifold)

VẬN HÀNH: MÁY LỌC DNF-750T KHÔNG SỬ DỤNG BẤT CỨ HÓA CHẤT HÓA PHẨM NÀO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG, VẬN HÀNH VÀ SỤC RỬA ĐỊNH KỲ HOÀN TOÀN TỰ ĐỘNG, KHÔNG CẦN CÓ SỰ CAN THIỆP CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG.

(Operation: DNF-750T machine are operation without using any chemicals, operates and backwash automatically without operator's intervention)

VIỆC KIỂM TRA, BẢO HÀNH BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TRONG HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH CHI TIẾT, KÈM THEO MÁY LỌC (Checking & maintenance procedures are specified in Operating Manual, which are provided along with the Machine)

